TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v tranh chấp về thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Ông Nguyễn Thành Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 300/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1986
Địa chỉ: số nhà 148 B đường H1, Khu phố X, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1952
Địa chỉ: số nhà 43 Đường Y, Khu phố Z, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn B, sinh năm 1929

Bà Trần Thị B1, sinh năm 1931

Địa chỉ: số nhà 1051/17 A đường G, Phường U, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông S, ông H có mặt, ông B, bà B1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S:

Ông là con của ông Nguyễn Ngọc H và bà Phan Thị B2, bà B2 sinh năm 1953 và chết năm 2012. Quá trình chung sống ông H và bà B2 có tạo lập được tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ số 43 Đường Y, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông không biết rõ về nguồn gốc đất nhưng từ năm 2005 thì ông H bà B2 xây dựng nhà và sinh sống tại đây cho đến khi bà B2 chết vào năm 2012. Sau khi bà B2 chết thì ông H đã thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, tuy nhiên giấy chứng nhận chỉ công nhận ông H là đại diện cho các thừa kế của bà B2, không phải được công nhận toàn quyền sở hữu đối với nhà đất. Ông đã đề nghị ông H chia thừa kế toàn bộ nhà đất nhưng ông H chỉ đồng ý chia căn nhà, không đồng ý chia quyền sử dụng đất nên xảy ra tranh chấp. Bà B2 chết không để lại di chúc nên ông yêu cầu phân chia di sản của bà B2 là ½ nhà, đất thuộc thửa đất số 525, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ 43 Đường Y, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật. Các thừa kế của bà B2 gồm có cha mẹ là ông Phan Văn B, bà Trần Thị B1, chồng là ông Nguyễn Ngọc H và ông là con Nguyễn Ngọc S. Ông yêu cầu được nhận ¼ di sản của bà B2 bằng hiện vật.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phan Thị B2 như nguyên đơn trình bày. Quá trình chung sống ông và bà B2 chỉ có tài sản chung duy nhất là căn nhà xây dựng trên phần đất có diện tích 476,3 m^2 tại phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không bao gồm quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 525, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ 43 Đường Y, phường C, quận T là của cha me ông tạo lập từ trước năm 1975 nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận. Cha mẹ ông có tổng cộng 05 người con, năm 1999 cha mẹ ông đã chia đất cho các con, phần đất hiện ông đang sử dụng được cha mẹ tặng cho ông và ông có kê khai, đăng ký sử dụng. Năm 2018 ông nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đã được các anh chị em xác nhận về nguồn gốc đất rất rõ ràng. Tuy nhiên do trên đất có căn nhà là tài sản chung của ông và bà B2 được xây dựng năm 2005 và bà B2 đã chết nên khi cấp giấy Ủy ban nhân dân quận T đã ghi ông là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của bà Phan Thị B2. Ông và bà B2 có con chung là Nguyễn Ngọc S và cha mẹ của bà B2 là ông Phan Văn B và bà Trần Thị B1.

Ông không không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định toàn bộ nhà đất là di sản thừa kế, chỉ thừa nhận di sản của bà B2 là căn nhà hiện tại do ông đang quản lý, sử dụng. Ông đồng ý thanh toán giá trị căn nhà cho các thừa kế khác của bà B2.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 8 năm 2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn B và bà Trần Thị B1 trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phan Thị B2 như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Về nguồn gốc nhà đất thì ông bà chỉ biết là đất có nguồn gốc của cha mẹ ông H để lại cho vợ chồng, còn nhà do vợ chồng ông H bà B2 xây dựng. Theo ông bà nhà đất đã được công nhận là tài sản chung của vợ chồng thì phải chia thừa kế theo đúng quy định. Đối với phần thừa kế mà bà B1 được hưởng bà B1 đồng ý giao lại cho Nguyễn Ngọc S toàn quyền sở hữu vì bà đã có nhà sinh sống ổn định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B1 có đơn yêu cầu vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Ông Phan Văn B vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát B1 ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử xác định nhà, đất tại địa chỉ số 43 Đường Y, Khu phố Z, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc H và bà Phan Thị B2. Công nhận di sản của bà B2 để lại là ½ nhà, đất có giá trị 2.393.350.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn. Giao toàn bộ di sản của bà B2 cho bị đơn quản lý, sở hữu. Bà B1 nhường suất thừa kế cho ông S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ông S được hưởng hai suất thừa kế của bà B2. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị di sản cho ông Nguyễn Ngọc S 1.196.675.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Văn B 598.337.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Bị đơn có nơi cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị B2 chết ngày 01/4/2012 nên yêu cầu của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị đơn về nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ 43 Đường 35, Khu phố Z, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với lời khai của ông S, bà B1 và Văn bản số 4876/UBND-TNMT ngày 05/10/2020 của Uỷ ban nhân dân quận T cung cấp thông tin về nguồn gốc nhà đất có căn cứ xác định quyền sử dụng đất do mẹ ông H tặng cho ông H, năm 2007 ông H bà B2 xây dựng nhà ở trên đất.

Căn cứ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của ông H, ngày 25/01/2019 Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 489153, chứng nhận ông Nguyễn Ngọc H là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của bà Phan Thị B2. Như vậy ông H đã kê khai đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chủ sở hữu. Ông H không có ý kiến gì về việc Ủy ban nhân dân quận T đã chứng nhận ông là đồng sở hữu tài sản cùng bà B2 nên có căn cứ xác định mặc dù quyền sử dụng đất ông H được tặng cho riêng nhưng đã nhập tài sản riêng thành tài sản chung. Tài sản chung của ông H, bà B2 là toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ 43 Đường 35, Khu phố Z, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được phân chia. Căn cứ về nguồn gốc tài sản thì ông H là người được tặng cho riêng phần quyền sử dụng đất nên ông H là người có công sức đóng góp nhiều hơn, cần xác định phần sở hữu của ông H tương xứng. Chia cho ông H được sở hữu 7/10 giá trị tài sản, bà B2 được sở hữu 3/10 giá trị tài sản là phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ biên bản về việc xác định hiện trạng và thỏa thuận trị giá tài sản ngày 21 tháng 9 năm 2020, các đương sự thống nhất xác định căn nhà có giá 500.000.000 đồng, quyền sử dụng đất có giá 4.286.700.000 đồng, tổng giá trị tài sản 4.786.700.000 đồng. Trong đó ông H được sở hữu 7/10 giá trị quyền sử dụng đất tương đương 3.000.690.000 đồng, bà B2 được sở hữu 3/10 giá trị quyền sử dụng đất tương đương 1.286.010.000 đồng. Ông H, bà B2 mỗi người sở hữu ½ giá trị căn nhà, tương đương 250.000.000 đồng. Như vậy phần di sản của bà B2 có tổng giá trị 1.536.010.000 đồng.

Trước khi chết bà B2 không để lại nghĩa vụ tài sản, không để lại di chúc, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B2 gồm có cha mẹ là Phan Văn B và Trần Thị B1, chồng là ông Nguyễn Ngọc H và con Nguyễn Ngọc S. Ngoài ra bà B2 không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Do các thừa kế của bà B2 không thoả thuận phân chia di sản thừa kế được nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản của bà B2 theo pháp luật là có cơ sở xem xét.

Phần di sản của bà B2 được chia theo pháp luật cho 4 thừa kế của bà B2, mỗi thừa kế được hưởng một suất thừa kế có giá trị 384.002.500 đồng. Bà Trần Thị B1 nhường suất thừa kế cho ông S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với

quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận, ông S được hưởng hai suất thừa kế của bà B2.

Do ông H đang quản lý nhà, đất và ông H được hưởng giá trị tài sản nhiều hơn nên giao ông H tiếp tục quản lý, sở hữu tài sản và ông H có nghĩa vụ thanh toán suất thừa kế cho các đồng thừa kế bằng giá trị di sản.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H, ông Phan Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xét miễn án phí. Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 213; Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của ông Nguyễn Ngọc S,

Công nhận di sản của bà Phan Thị B2 là ½ căn nhà và 3/10 diện tích quyền sử dụng đất tại địa chỉ 43 Đường Y, Khu phố Z, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 489153, ngày 25/01/2019, có tổng giá trị 1.536.010.000 (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu không trăm mười ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản của bà Phan Thị B2 và có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị di sản cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 768.005.000 đồng (bảy trăm sáu mươi tám triệu không trăm lẻ năm ngàn) đồng;

- Thanh toán cho ông Phan Văn B số tiền 384.002.500 (ba trăm tám mươi bốn triệu không trăm lẻ hai ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế, ông Nguyễn Ngọc H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 34.720.200 (ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 (mười triệu) đồng theo biên lai thu số 0057536 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, ông S còn phải nộp 24.720.200 (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm) đồng.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- CCTHADS Q.T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy